TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST.
Ngày: 24-02-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Qúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Thiên.
2. Ông Nguyễn Văn Vy.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Đ; sinh ngày …..tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nơi cư trú: 135 Phạm V, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương N và bà Đoàn Thị H; có vợ tên Lê Thị Minh T và 02 con, cháu thứ nhất tên Dương Gia P, sinh năm 2008 và cháu thứ hai tên: Dương Gia M, sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/12/2006 bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản"; bị bắt, tạm giam ngày 31/10/2019. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Phương T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 02 T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Phương D, sinh năm: 1984; địa chỉ: 32 N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Lê Thị Minh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: 135 P, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Trương Văn M, sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ 8, …….thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: …../CT-VKS-HS, ngày …. tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Dương Đ về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 28/10/2016, Dương Đ đem xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 75F1-486.08 đến gặp chị Trần Thị Phương D cầm cố với số tiền 20.000.000 đồng và viết 01 giấy mượn tiền mang tên Dương Đ để làm tin. Sau đó, Đ biết được chị D giao xe mô tô trên cho chị gái mình là chị Trần Thị Phương T dùng làm phương tiện đi lại nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe. Khoảng 18 giờ ngày 18/02/2017, Dương Đ đi bộ đến nhà chị T phát hiện thấy xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 75F1-486.08 đang để ở vỉa hè trước nhà số 01 T, phường T, thành phố Huế không có người trông giữ nên Đ sử dụng chìa khóa mang theo mở khóa điện xe lấy trộm xe rồi nhanh chóng tẩu thoát. Ngày 24/02/2017 Đ đem xe mô tô trên cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Minh T là vợ của Đ đến tiệm mua bán xe cũ, số 126 Đ, phường T, thành phố Huế gặp anh Trương Văn M để bán. Anh M thấy người đứng tên chủ sở hữu xe là Lê Thị Minh T nên đã liên lạc với chị T thì được chị T đồng ý cho Đ bán xe nên đồng ý mua với giá 30.500.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn trắng-nâu, biển số 75F1-486.08, số máy JF45E0786147, số khung 4519FY 759364, xe đã qua xử dụng. Hiện đang được giữ tại kho Vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T, biển số đăng ký 75F1-486.08 cấp ngày 27/8/2016 cùng 01 chìa khóa xe nhãn hiệu Honda, 01 giấy bán xe do Dương Đ viết người bán ngày 24/02/2017, 01 giấy mượn tiền do Dương Đ viết ngày 28/10/2016 đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Tại bản định giá tài sản số 267/KL-HĐĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định, tại thời điểm ngày 18/02/2017: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn trắng-nâu, biển số 75F1-486.08, số máy JF45E0786147, số khung 4519FY759364, xe đăng ký lần đầu ngày 26/8/2016 có giá trị: 33.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Phương T không yêu cầu bồi thường; chị Trần Thi Phương D yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; anh Trương Văn M yêu cầu bồi thường số tiền 32.500.000 đồng (gồm tiền mua xe 30.500.000đồng + 2.000.000đồng tiền sửa chữa xe sau khi mua). Hiện Dương Đ chưa bồi thường.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng đối với bị cáo đồng thời Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Dương Đ từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị Phương D và anh Trương Văn M; trả lại chiếc xe trên cho chị Lê Thị Minh T.

Ý kiến của bị hại chị Trần Thị Phương T không yêu cầu bị cáo bồi thường và Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Phương Dyêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng; anh Trương Văn M yêu cầu bị cáo bồi

thường 30.500.000 đồng tiền đã mua xe, còn số tiền sửa chữa xe 2.000.000 đồng anh M không yêu cầu; chị Lê Thị Minh T yêu cầu được nhận xe.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Khoảng 18 giờ, ngày 18/02/2017, lợi dụng sự sơ hở của người khác, bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mất lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 75F1-486.08, có giá trị 33.000.000 đồng của chị Trần Thị Phương T đang quản lý, nên phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo Dương Đ là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội. Bị cáo đã bị phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" nhưng không tu dưỡng, rèn luyện, rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hìm phạt cho bị cáo; vợ bị cáo đang bị bệnh ung thư và còn phải nuôi dưỡng hai con nhỏ, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không phạm vào tình tiết tặng nặng nào.

[4] Về trách nhiệm nhân sự: tại phiên tòa anh Trương Văn M yêu cầu bị cáo Dương Đ bồi thường số tiền là 30.500.000 đồng, chị Trần Thị Phương D yêu cầu bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 75F1-486.08 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T cấp ngày 27/8/2016 cùng 01

chìa khóa xe là tài sản chung của vợ chồng Dương Đ và chị Lê Thị Minh T. Tại phiên tòa giữa bị cáo Dương Đ, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Phương D, chị Lê Thị Minh T đã thỏa thuận được với nhau là trả lại chiếc xe trên cho vợ chồng Dương Đ và chị Lê Thị Minh T, bị cáo Dương Đ có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Trần Thị Phương D số tiền 20.000.000 đồng. Việc thỏa thuận trên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trần Thị Phương D số tiền là 20.000.000 đồng và anh Trương Văn M số tiền là 30.500.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa giữa bị cáo Dương Đ, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Phương D, chị Lê Thị Minh T đã thỏa thuận là trả lại chiếc xe trên cho vợ chồng Dương Đ và chị Lê Thị Minh T, Dương Đ có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Phương D tiền là 20.000.000 đồng, nên trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 75F1-486.08 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T cấp ngày 27/8/2016 cùng 01 chìa khóa xe nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án. Nếu bị cáo chưa trả số tiền buộc phải bồi thường thì thi hành theo quy định pháp luật ½ giá trị chiếc xe trên cho người được bồi thường. Trả lại ½ giá trị chiếc xe còn lại cho chị Lê Thị Minh T.

Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T, biển số đăng ký 75F1-486.08 cấp ngày 27/8/2016 hiện đang lưu tại hồ sơ, chuyển cho Chi cục thi hành án thành phố Huế để thi hành án.

Đối với 01 giấy bán xe do Dương Đ viết người bán ngày 24/02/2017; 01 giấy mượn tiền do Dương Đ viết ngày 28/10/2016 tiếp tục lưu vào hồ sơ.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.525.000 đồng (50.500.000đ x 5% = 2.525.000đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Dương Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Dương Đ 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 31/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Dương Đ phải bồi thường cho chị Trần Thị Phương D số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và anh Trương Văn M số tiền là 30.500.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 75F1-486.08 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T cấp ngày 27/8/2016 cùng 01 chìa khóa xe cho vợ chồng Dương Đ và chị Lê Thị Minh T, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án. Nếu bị cáo chưa trả số tiền buộc phải bồi thường thì thi hành theo quy định pháp luật ½ giá trị chiếc xe trên cho người được bồi thường, trả lại ½ giá trị chiếc xe còn lại cho chị Lê Thị Minh T. Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/01/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020798, mang tên Lê Thị Minh T, biển số đăng ký 75F1-486.08 cấp ngày 27/8/2016 hiện đang lưu tại hồ sơ, chuyển cho Chi cục thi hành án thành phố Huế để thi hành án.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án giấy bán xe do Dương Đ viết người bán ngày 24/02/2017; 01 giấy mượn tiền do Dương Đ viết ngày 28/10/2016.

4. Về án sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phi hình sự sơ thẩm và 2.525.000 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Nhà tạm giữ Công an TP Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Qúy Vân